

**Trường Trung Học William Sheppard**  
**Sở Giáo Dục California**  
**Phiếu Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học**  
**Báo Cáo Dựa Trên Dữ Liệu từ Năm Học 2015–16**

Theo luật tiểu bang, trễ nhất vào ngày 1 tháng Hai hàng năm mọi trường học ở California đều phải công bố Phiếu Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học (School Accountability Report Card - SARC). SARC có thông tin về tình trạng và kết quả hoạt động của mỗi trường công lập tại tiểu bang California. Theo Công Thức Tài Trợ Kiểm Soát Địa Phương (Local Control Funding Formula - LCFF), tất cả các Cơ quan Giáo dục Địa phương (Local Educational Agencies - LEA) phải chuẩn bị một Kế Hoạch Kiểm Soát và Trách Nhiệm Giải Trình tại Địa Phương (Local Control and Accountability Plan - LCAP) mô tả phương thức các trường dự định sẽ đạt được các mục tiêu hàng năm cụ thể của trường cho tất cả các học sinh, với các hoạt động cụ thể nhằm giải quyết các ưu tiên của địa phương và tiểu bang. Ngoài ra, dữ liệu được báo cáo trong LCAP phải nhất quán với dữ liệu được báo cáo trong SARC.

- Để biết thêm thông tin về các yêu cầu SARC, xem Trang Mạng về SARC thuộc Sở Giáo Dục California (California Department of Education - CDE) tại <http://www.cde.ca.gov/ta/ac/sa/>.
- Để biết thêm thông tin về LCFF hoặc LCAP, xem Trang Mạng về LCFF của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/fg/aa/lc/>.
- Để biết thêm thông tin về trường, phụ huynh/người giám hộ và cư dân trong cộng đồng có thể liên lạc với hiệu trưởng hoặc văn phòng khu học chánh.

#### **DataQuest**

DataQuest là một công cụ trực tuyến trên trang Mạng DataQuest của CDE tại <http://dq.cde.ca.gov/dataquest/> chứa đựng thông tin bổ sung về trường học này và dữ liệu so sánh trường với khu học chánh và quận. Cụ thể thì DataQuest là một hệ thống năng động cung cấp báo cáo về giải trình trách nhiệm (ví dụ: dữ liệu kiểm tra, học sinh ghi danh, tỷ lệ tốt nghiệp trung học, tỷ lệ bỏ học, học sinh ghi danh khóa học, nhân sự, và dữ liệu về người học tiếng Anh).

#### **Truy cập Internet**

Truy cập Internet sẵn có tại các thư viện công cộng và các địa điểm khác mở cửa cho công chúng (ví dụ: Thư viện Tiểu bang California). Truy cập Internet tại thư viện và nơi công cộng thường được cung cấp theo quy tắc người tới trước dùng trước. Những

hạn chế về sử dụng khác có thể bao gồm giờ hoạt động, khoảng thời gian có thể dùng trạm máy (phụ thuộc vào tình trạng sẵn có), loại chương trình phần mềm sẵn có trên trạm máy, và khả năng in tài liệu.

## Giới Thiệu Về Trường Đây

### Thông Tin Liên Lạc của Trường (Năm Học 2016–17)

Thông Tin Liên Lạc của Trường (Năm Học 2016–17)	
<b>Tên Trường</b>	Trường Trung Học William Sheppard
<b>Đường Phố</b>	480 Rough and Ready Rd
<b>Thành Phố, Tiểu Bang, Mã Bưu điện</b>	San Jose CA, 95133
<b>Số Điện Thoại</b>	(408) 928-8800
<b>Hiệu Trưởng</b>	Jacqueline Montejano
<b>Địa Chỉ Email</b>	jackie.montejano@arUSD.org
<b>Trang Mạng</b>	<a href="http://www.arUSD.org/Domain/612">http://www.arUSD.org/Domain/612</a>
<b>Mã Số Quận-Khu Học Chánh-Trường học (County-District-School - CDS)</b>	43-69369-6046338

### Thông Tin Liên Lạc của Khu Học Chánh (Năm Học 2016–17)

<b>Tên Khu Học Chánh</b>	Alum Rock Union Elementary School District
<b>Số Điện Thoại</b>	(408) 928-6800
<b>Giám Đốc Khu Học Chánh</b>	Hilaria Bauer, Ph.D.
<b>Địa Chỉ Email</b>	hilaria.bauer@arUSD.org
<b>Trang Mạng</b>	<a href="http://www.arUSD.org">www.arUSD.org</a>

## Mô Tả Trường học và Bản Tuyên Bố Sứ Mệnh (Năm Học 2016–17)

Trường Trung Học Sheppard là một Trường Trung Học Chuẩn Bị cho Đại Học và Đi Làm. Trong khi vẫn duy trì những truyền thống lâu đời, trường Sheppard cũng có những biến đổi để đáp ứng các nhu cầu của cộng đồng và tự hào mang đến hai Học Viện nhỏ hơn: AVID và Atlas trực thuộc Sheppard. Cả hai Học Viện này đều có những phương pháp tiếp cận hoạt động dạy và học riêng biệt. Phương pháp tiếp cận của AVID tập trung vào việc thúc đẩy thành tích của học sinh thông qua thực hành áp dụng nhất quán các công cụ và chiến lược học tập dựa trên nghiên cứu và đã được kiểm chứng. Phương pháp tiếp cận của ATLAS lại tập trung vào việc học tập của học sinh thông qua các bài học theo chủ đề và học tập phục vụ cộng đồng dựa trên dự án. Cả hai học viện đều tham gia vào các chuyến tham quan học tập dựa trên nội dung và tổ chức rất nhiều sự kiện cộng đồng vào buổi tối.

**TẦM NHÌN:** Trường Trung Học Sheppard (Atlas Academy, AVID Academy, Citizen Schools và Cộng đồng) làm việc trên tinh thần cộng tác để đảm bảo tất cả học sinh đều có ước mơ và đạt được thành tích tối ưu nhất: trang bị hành trang để các em có thể thành công tại Trường Phổ Thông.

**SỨ MỆNH:** 1. Thu hút học sinh tham gia trải nghiệm học tập tiên tiến của thế kỷ 21 và làm những việc có ý nghĩa thông qua các phương pháp tiếp cận đa dạng: Học Viện Atlas và AVID 2. Thu hút toàn bộ cộng đồng tham gia cộng tác để đảm bảo thành tích học tập của tất cả học sinh. 3. Trang bị, coi trọng và tôn trọng tất cả các bên liên quan trong môi trường học tập chuyên môn tạo dựng lòng tự hào, sự tự tin vào năng lực bản thân và tính quyết đoán.

Vui lòng ghé thăm trường chúng tôi, truy cập trang web hoặc gọi cho chúng tôi theo số (408) 928-8800 để tìm hiểu thêm về ngôi trường cũng như tinh thần và lòng tự hào của những chú ngựa Trojan ở Sheppard!

### Học Sinh Ghi Danh theo Cấp Lớp (Năm Học 2015–16)

Cấp Lớp	Số Học Sinh
Lớp 6	187
Lớp 7	246
Lớp 8	244
Tổng Ghi Danh	677

### Học Sinh Ghi Danh theo Nhóm Học Sinh (Năm Học 2015–16)

Nhóm Học Sinh	Phần Trăm trong Tổng Ghi Danh
Người Da Đen hoặc Người Hoa Kỳ Gốc Phi	1,9

Nhóm Học Sinh	Phần Trăm trong Tổng Ghi Danh
Người Hoa Kỳ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0,4
Người Gốc Á Châu	31,6
Người Phi Luật Tân	12,1
Người Gốc Tây Ban Nha hoặc La-tinh	50,4
Người Hạ Uy Di Bản Địa hoặc Người Các Đảo Thái Bình Dương	2,1
Người Da Trắng	1,3
Người mang Hai hoặc Nhiều Chứng Tộc	0,1
Người có Hoàn Cảnh Kinh Tế Xã Hội Khó Khăn	85,2
Người Học Tiếng Anh	24,5
Học Sinh Khuyết Tật	14,8
Thanh Thiếu Niên được Chăm Sóc bởi Giám Hộ	0,4

## A. Điều Kiện Học Tập

### Ưu Tiên của Tiểu Bang: Cơ Bản

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Cơ Bản (Ưu Tiên 1):

- Mức độ giáo viên được phân công một cách thích đáng và có đầy đủ bằng cấp chứng nhận trong lĩnh vực môn học và với các học sinh họ đang giảng dạy;
- Học sinh được tiếp cận với các tài liệu giảng dạy theo tiêu chuẩn; và
- Cơ sở vật chất của trường được giữ gìn tốt

### Bảng Cấp Chứng Nhận của Giáo Viên

Giáo Viên	Trường			Khu Học Chánh
	2014-15	2015-16	2016-17	2016-17
Có Đầy Đủ Bằng Cấp Chứng Nhận	27	35	27	496
Không Có Đầy Đủ Bằng Cấp Chứng Nhận	2	0	5	43
Giảng Dạy Ngoài Lĩnh Vực Môn Học Chuyên Ngành (có đầy đủ bằng cấp chứng nhận)	0	0	0	0

### Phân Công Giáo Viên Trái Phép và Các Vị Trí Giáo Viên Còn Trống

Chỉ Báo	2014-15	2015-16	2016-17
Trường Hợp Phân Công Giáo Viên Trái Phép cho Người Học Tiếng Anh	0	0	0
Tổng Số Các Trường Hợp Phân Công Giáo Viên Trái Phép	0	0	0
Các Vị Trí Giáo Viên Còn Trống	2	0	0

Ghi chú: "Phân công trái phép" nói đến số vị trí được điền khuyết bởi giáo viên thiếu thẩm quyền hợp pháp để dạy cấp lớp, môn học, nhóm học sinh đó, v.v.

\* Tổng Số Các Trường Hợp Phân Công Giáo Viên Trái Phép bao gồm cả số Trường Hợp Phân Công Giáo Viên Trái Phép cho Người Học Tiếng Anh.

**Các Lớp Học Cốt Lõi do Giáo Viên Giỏi Giảng Dạy (Năm Học 2015–16)**

Địa Điểm Các Lớp Học	Phần Trăm Lớp Học Về Các Môn Học Cốt Lõi	Phần Trăm Lớp Học Về Các Môn Học Cốt Lõi
	Do Giáo Viên Giỏi Giảng Dạy	Không Do Giáo Viên Giỏi Giảng Dạy
Trường Đây	91,2	8,8
Tất Cả Các Trường trong Khu Học Chánh	86,3	13,7
Các Trường Có Tỷ Lệ Học Sinh Nghèo Cao trong Khu Học Chánh	86,3	13,7
Các Trường Có Tỷ Lệ Học Sinh Nghèo Thấp trong Khu Học Chánh	0,0	0,0

Ghi chú: Các trường có tỷ lệ học sinh nghèo cao được định nghĩa là các trường có tỷ lệ học sinh hội đủ điều kiện tham gia chương trình bữa ăn giảm giá và miễn phí là khoảng 40 phần trăm hoặc cao hơn. Các trường có tỷ lệ học sinh nghèo thấp là các trường có tỷ lệ học sinh hội đủ điều kiện tham gia chương trình bữa ăn giảm giá và miễn phí là khoảng 39 phần trăm hoặc thấp hơn.

**Chất Lượng, Tình Trạng Cập Nhật, Tình Trạng Sẵn Có Của Sách Giáo Khoa và Tài Liệu Giảng Dạy (Năm Học 2016–17)**

**Năm và tháng thu thập dữ liệu:** Tháng 1 năm 2016

Dưới đây là những tài liệu được phê chuẩn gần nhất cho Học Khu Tiểu Học Alum Rock Union:

- Benchmark Advance (ELA and ELD) 2016 - Trường Tiểu Học/Engage NY 2016 - Trường Trung Học
- EnVision Mathematics 2015- Trường Tiểu Học/CPM 2015 - Trường Trung Học
- Scott Foresman Science 2006 - Trường Tiểu Học/Glencoe Science 2006 - Trường Trung Học
- Scott Foresman Social Studies 2007 - Trường Tiểu Học/TCI Curriculum 2007 - Trường Trung Học

Môn Học	Sách Giáo Khoa và Tài Liệu Giảng Dạy/năm Phê Chuẩn	Từ Đợt Phê Chuẩn Gần Nhất?	Phần Trăm Học Sinh Không Có Sách Được Chỉ Định Riêng
---------	--	----------------------------	--

Môn Học	Sách Giáo Khoa và Tài Liệu Giảng Dạy/năm Phê Chuẩn	Từ Đợt Phê Chuẩn Gần Nhất?	Phần Trăm Học Sinh Không Có Sách Được Chỉ Định Riêng
<b>Độc/Văn Chương</b>	Benchmark Advance (ELA and ELD) 2016 - Trường Tiểu Học/Engage NY 2016 - Trường Trung Học	Có	0
<b>Toán</b>	EnVision Mathematics 2015- Trường Tiểu Học/CPM 2015 - Trường Trung Học	Có	0
<b>Khoa Học</b>	Scott Foresman Science 2006 - Trường Tiểu Học/Glencoe Science 2006 - Trường Trung Học	Có	0
<b>Lịch Sử–Khoa Học Xã Hội</b>	Scott Foresman Social Studies 2007 - Trường Tiểu Học/TCI Curriculum 2007 - Trường Trung Học	Có	0

#### Tình Trạng Cơ Sở Vật Chất của Trường và Kế Hoạch Cải Tiến

Học khu sẽ thực hiện mọi nỗ lực để đảm bảo tất cả trường học đều sạch sẽ, an toàn và hoạt động hiệu quả. Để hỗ trợ nỗ lực này, học khu sẽ sử dụng một công cụ khảo sát cơ sở vật chất do Văn Phòng Xây Dựng Trường Công Lập (Office of Public School Construction) của Tiểu Bang California phát triển. Kết quả của khảo sát này sẽ có tại văn phòng của học khu.

Trường Sheppard được xây dựng vào năm 1962. Cơ sở vật chất của trường đang được nâng cấp theo các yêu cầu của Đạo Luật Xây Dựng Trường Công (Field Act) thuộc Bộ Luật Về Công Trình Xây Dựng Cấp Tiểu Bang (State Building Code) với trọng tâm là mức độ an toàn khi xảy ra động đất. Trong trường hợp phát hiện amiăng và chì trong nguyên vật liệu xây dựng, những nguyên vật liệu đó sẽ được loại bỏ theo yêu cầu của Cơ Quan Bảo Vệ Môi Trường (Environmental Protection Agency - EPA), Tiểu Bang và Địa Phương. Quỹ bảo trì trả chậm đã được sử dụng để bảo trì và nâng cấp thỏa đáng cho các tòa nhà trong trường. Mọi công tác sửa chữa và dự án bảo trì cần thiết đều được hoàn thành đúng thời hạn.

Cơ sở vật chất của trường được nâng cấp để hỗ trợ và duy trì một khuôn viên an toàn, sạch sẽ và bảo đảm. Nhà trường phân bổ đầy đủ lớp học, văn phòng, thư viện, sân chơi, không gian dành cho đội ngũ nhân viên và nhà vệ sinh để hỗ trợ nhu cầu của các bên liên quan và chương trình giảng dạy. Nhân viên bảo trì của Học Khu Tiểu Học Alum Rock Union, kết hợp với người trông giữ ngày và đêm, đảm bảo các tòa nhà và sân bãi trong trường luôn được an toàn, sạch sẽ và ở tình trạng hoạt động tốt. Lịch trông giữ hàng ngày nghiêm ngặt đảm bảo các lớp học, phòng thí nghiệm, khu bếp, khu căng-tin, văn phòng và sân chơi luôn sạch sẽ để phục vụ cả học sinh và nhân viên trong trường. Các đội bảo trì của học khu thường xuyên tiến hành giám sát để đảm bảo bãi cỏ và khu cảnh quan được chăm sóc tốt, các tòa nhà, sân bãi và khu vui chơi trong trường luôn an toàn khi sử dụng.

Mặc dù khuôn viên trường chính của Sheppard được xây dựng vào năm 1962 nhưng các tòa nhà lưu động đã được bổ sung để đáp ứng lượng học sinh ngày càng tăng của trường và nhu cầu về các chương trình đa dạng. Trong năm học 2007-2008, quỹ Measure G tại địa phương và quỹ điều phối tiểu bang đã được sử dụng để nâng cấp cơ sở hạ tầng hiện có. Các dự án lớn trong những năm qua bao gồm sơn, lắp đặt hệ thống sưởi, lắp sàn, kẻ vạch sân, làm mái, nâng cấp phòng để đồ cho nam sinh và nữ sinh cũng như nâng cấp nhà vệ sinh nam và nữ ở đầu phía nam của khuôn viên.

Vào Tháng 6 năm 2012, thông qua hoạt động cộng tác giữa Học Khu và Thành Phố San Jose, Sheppard đã trở thành trường đầu tiên trong Học Khu Tiểu Học Alum Rock Union có đường chạy, sân bóng đá và sân bóng bầu dục phù hợp với mọi điều kiện thời tiết, được trường học và cộng đồng sử dụng tích cực nhằm nâng cao sức khỏe, khuyến khích tập thể dục cũng như tổ chức các sự kiện của trường và cộng đồng. Gần đây nhất, sự kiện thay đổi cuộc đời Project Inspire của Nvidia đã góp phần tăng thêm sức sống và nguồn cảm hứng cho khuôn viên của chúng tôi. Câu trích dẫn và hình ảnh từ những cuốn sách, quốc kỳ và thắng cảnh thế giới chỉ là số ít trong vô vàn cách mà trường chúng tôi lựa chọn để thể hiện tương lai rực sáng đang đón chờ các học sinh của mình!

Nhóm ELAC của chúng tôi đang rất bận rộn với hoạt động nâng cấp thư viện và kế hoạch đề xuất cho Trung Tâm Nghiên Cứu Đại Học và Việc Làm (College and Career Research Center) của chúng tôi cũng đang được thực hiện!

#### Tình Trạng Cơ Sở Vật Chất Sửa Chữa Tốt của Trường

Tình Trạng Cơ Sở Vật Chất Sửa Chữa Tốt của Trường				
Năm và tháng của báo cáo FIT gần nhất: Tháng 12 năm 2016				
Hệ Thống Được Kiểm Tra	Tình Trạng Sửa Chữa			Công Việc Sửa Chữa Cần Thiết và Hành Động Đã hoặc Dự Định Thực Hiện
	Tốt	Được	Tồi	
<b>Hệ Thống:</b> Rò Rỉ Ga, Cơ Khí/HVAC, Cổng rãnh	X			
<b>Bên Trong:</b> Các Bề Mặt Bên Trong			X	
<b>Sự Sạch Sẻ:</b> Sự Sạch Sẻ Tổng Quát, Sự Quấy Phá Của Chuột Bọ/ Sâu Mọt		X		
<b>Điện:</b> Điện			X	
<b>Phòng Vệ Sinh/Vòi Nước Máy:</b> Phòng Vệ Sinh, Bồn Rửa/ Vòi Nước Máy	X			
<b>Sự An Toàn:</b> An Toàn Hỏa Hoạn, Vật Liệu Nguy Hiểm			X	
<b>Cấu Trúc:</b> Thiệt Hại về Cấu Trúc, Mái Nhà	X			
<b>Bên Ngoài:</b> Sân Chơi/Sân Trường, Cửa Sổ/Cửa Ra Vào/Cổng/Hàng Rào		X		



## Đánh Giá Cơ Sở Vật Chất Tổng Quát

Năm và tháng của báo cáo FIT gần nhất: Tháng 12 năm 2016				
Đánh Giá Tổng Quát	Hoàn Hảo	Tốt	Được	Tồi
				X

## B. Kết Quả Học Tập của Học Sinh

### Ưu Tiên của Tiểu Bang: Thành Tích Học Tập của Học Sinh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Thành Tích Học Tập của Học Sinh (Ưu Tiên 4):

- Thẩm định trên toàn tiểu bang (tức là, Hệ Thống Thẩm Định Thành Tích Học Tập và Tiến Bộ của Học Sinh tại California [CAASPP], bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cho học sinh trong nhóm giáo dục phổ thông và Thẩm Định Thay Thế của California [CAAS] cho văn chương Anh ngữ/đọc viết [ELA] và môn toán được tổ chức ở lớp ba tới lớp tám và lớp mười một. CAA đã thay thế Thẩm Định Thành Tích Học Tập Thay Thế của California [CAPA] cho ELA và môn toán, được loại bỏ vào năm 2015. Chỉ các học sinh hội đủ điều kiện có thể tham gia dự thi CAA. Các mục của CAA phải phù hợp với các tiêu chuẩn thành tích học tập thay thế, được liên kết với các Tiêu Chuẩn Cốt Lõi Chung của Tiểu Bang [CCSS] cho học sinh bị khuyết tật nhận thức nặng); và
- Phần trăm học sinh đã hoàn tất thành công các khóa học đáp ứng các yêu cầu vào Trường Đại Học California (University of California) và Trường Đại Học Tiểu Bang California (California State University), hoặc các khoá kỹ thuật học nghề hoặc chương trình học tập

### Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong Văn Chương Anh Ngữ/Đọc Viết (ELA) và Môn Toán cho Tất Cả Các Học Sinh

Môn học	Phần Trăm Học Sinh Đáp Ứng hoặc Vượt Qua Các Tiêu Chuẩn của Tiểu Bang					
	Trường		Khu Học Chánh		Tiểu Bang	
	2014-15	2015-16	2014-15	2015-16	2014-15	2015-16
Văn Chương Anh Ngữ/ Đọc Viết (lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11)	28	39	34	39	44	48
Toán (lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11)	19	28	25	30	34	36

Ghi chú: Tỷ lệ phần trăm không được tính khi số học sinh đi thi là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong ELA theo Nhóm Học Sinh

Lớp Ba đến Lớp Tám và Lớp Mười Một (Năm Học 2015–16)

Nhóm Học Sinh	Lớp				
		Tổng Ghi Danh	Số Học Sinh Đi Thi	Phần Trăm Đi Thi	Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua
Tất Cả Các Học Sinh	6	187	184	98,4	41,3
	7	240	233	97,1	35,6
	8	245	242	98,8	41,7
Nam	6	93	90	96,8	30,0
	7	121	120	99,2	27,5
	8	131	128	97,7	35,2
Nữ	6	94	94	100,0	52,1
	7	119	113	95,0	44,3
	8	114	114	100,0	49,1
Người Da Đen hoặc Người Hoa Kỳ Gốc Phi	6	--	--	--	--
	7	--	--	--	--
	8	--	--	--	--
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	6	--	--	--	--
	7	--	--	--	--
	8	--	--	--	--
Người Gốc Á Châu	6	66	64	97,0	54,7
	7	69	67	97,1	50,8
	8	83	82	98,8	64,6
Người Phi Luật Tân	6	24	24	100,0	62,5
	7	23	21	91,3	66,7
	8	30	29	96,7	51,7
Người Gốc Tây Ban Nha hoặc Latinh	6	88	87	98,9	28,7
	7	132	131	99,2	22,1
	8	119	119	100,0	23,5
Người Hạ Uy Di Bản Địa hoặc Người Các Đảo Thái Bình Dương	6	--	--	--	--
	7	--	--	--	--
	8	--	--	--	--
Người Da Trắng	6	--	--	--	--
	7	--	--	--	--
	8	--	--	--	--
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng Tộc	7	--	--	--	--

Nhóm Học Sinh	Lớp				
		Tổng Ghi Danh	Số Học Sinh Đi Thi	Phần Trăm Đi Thi	Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua
Người có Hoàn Cảnh Kinh Tế Xã Hội Khó Khăn	6	157	154	98,1	39,0
	7	204	199	97,5	31,2
	8	211	208	98,6	38,0
Người Học Tiếng Anh	6	48	47	97,9	4,3
	7	54	51	94,4	
	8	61	59	96,7	
Học Sinh Khuyết Tật	6	26	26	100,0	
	7	37	37	100,0	
	8	36	36	100,0	
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành cho Di Dân	6	--	--	--	--
	7	--	--	--	--
	8	--	--	--	--
Thanh Thiếu Niên được Chăm Sóc Giám Hộ	6	--	--	--	--
	7	--	--	--	--
	8	--	--	--	--

Ghi chú: Kết quả kỳ thi ELA bao gồm Thăm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thăm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thăm định.

Hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Ghi chú: Số học sinh đi thi bao gồm tất cả các học sinh tham gia kỳ thi bất kể có nhận được điểm số hay không; tuy nhiên số học sinh đi thi không phải là số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích. Chỉ các học sinh có điểm số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích.

## Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong Môn Toán theo Nhóm Học Sinh

### Lớp Ba đến Lớp Tám và Lớp Mười Một (Năm Học 2015–16)

Nhóm Học Sinh	Lớp				
		Tổng Ghi danh	Số Học Sinh Đi Thi	Phần Trăm Đi Thi	Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua
Tất Cả Các Học Sinh	6	186	186	100,0	33,0
	7	240	236	98,3	27,1
	8	245	242	98,8	25,7

Nhóm Học Sinh	Lớp				
		Tổng Ghi danh	Số Học Sinh Đi Thi	Phần Trăm Đi Thi	Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua
Nam	6	92	92	100,0	31,9
	7	121	121	100,0	23,1
	8	131	128	97,7	24,4
Nữ	6	94	94	100,0	34,0
	7	119	115	96,6	31,3
	8	114	114	100,0	27,2
Người Da Đen hoặc Người Hoa Kỳ Gốc Phi	6	--	--	--	--
	7	--	--	--	--
	8	--	--	--	--
Người Hoa Kỳ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	6	--	--	--	--
	7	--	--	--	--
	8	--	--	--	--
Người Gốc Á Châu	6	66	66	100,0	47,7
	7	69	69	100,0	56,5
	8	83	82	98,8	52,4
Người Phi Luật Tân	6	24	24	100,0	37,5
	7	23	22	95,7	36,4
	8	30	29	96,7	24,1
Người Gốc Tây Ban Nha hoặc Latinh	6	87	87	100,0	21,8
	7	132	131	99,2	11,4
	8	119	119	100,0	7,6
Người Hạ Uy Di Bản Địa hoặc Người Các Đảo Thái Bình Dương	6	--	--	--	--
	7	--	--	--	--
	8	--	--	--	--
Người Da Trắng	6	--	--	--	--
	7	--	--	--	--
	8	--	--	--	--
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng Tộc	7	--	--	--	--
Người có Hoàn Cảnh Kinh Tế Xã Hội Khó Khăn	6	157	157	100,0	28,2
	7	204	202	99,0	22,8
	8	211	208	98,6	21,7
Người Học Tiếng Anh	6	48	48	100,0	4,3
	7	54	54	100,0	5,6

Nhóm Học Sinh	Lớp	Phần Trăm			
		Tổng Ghi danh	Số Học Sinh Đi Thi	Phần Trăm Đi Thi	Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua
	8	61	59	96,7	3,4
Học Sinh Khuyết Tật	6	26	26	100,0	
	7	37	37	100,0	
	8	36	35	97,2	
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành cho Di Dân	6	--	--	--	--
	7	--	--	--	--
	8	--	--	--	--
Thanh Thiếu Niên được Chăm Sóc Giám Hộ	6	--	--	--	--
	7	--	--	--	--
	8	--	--	--	--

Ghi chú: Kết quả kỳ thi môn toán bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thẩm định.

Hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Ghi chú: Số học sinh đi thi bao gồm tất cả các học sinh tham gia kỳ thi bất kể có nhận được điểm số hay không; tuy nhiên số học sinh đi thi không phải là số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích. Chỉ các học sinh có điểm số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích.

### Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong Khoa Học cho Tất Cả Các Học Sinh

Môn học	Phần Trăm Học Sinh Đạt Điểm ở Mức Khá hoặc Giỏi								
	Trường			Khu Học Chánh			Tiểu bang		
	2013-14	2014-15	2015-16	2013-14	2014-15	2015-16	2013-14	2014-15	2015-16
<b>Khoa Học (các lớp 5, 8, và 10)</b>	59	40	57	52	47	49	60	56	54

Ghi chú: Kết quả kỳ thi khoa học bao gồm Kỳ Thi Tiêu Chuẩn California (California Standards Test - CST), Thẩm Định Thay Đổi California (California Modified Assessment - CMA), và Thẩm Định Thành Tích Học Tập Thay Thế của California (CAPA) ở các lớp năm, tám, và mười.

Ghi chú: Không cho thấy điểm số khi số học sinh đi thi là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

**Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong Khoa Học theo Nhóm Học Sinh**

**Các Lớp Năm, Tám, và Mười (Năm Học 2015–16)**

<b>Nhóm Học Sinh</b>	<b>Tổng Ghi danh</b>	<b>Số Học Sinh có Điểm Số Hợp Lệ</b>	<b>Phần Trăm Học Sinh có Điểm Số Hợp Lệ</b>	<b>Phần Trăm Khá hoặc Giỏi</b>
<b>Tất Cả Các Học Sinh</b>	246	241	98,0	57,3
<b>Nam</b>	131	129	98,5	55,8
<b>Nữ</b>	115	112	97,4	58,9
<b>Người Da Đen hoặc Người Hoa Kỳ Gốc Phi</b>				
<b>Người Hoa Kỳ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa</b>				
<b>Người Gốc Á Châu</b>	83	83	100,0	78,3
<b>Người Phi Luật Tân</b>	30	29	96,7	58,6
<b>Người Gốc Tây Ban Nha hoặc La-tinh</b>	119	118	99,2	39,8
<b>Người Hạ Uy Di Bản Địa hoặc Người Các Đảo Thái Bình Dương</b>				
<b>Người Da Trắng</b>				
<b>Người mang Hai hoặc Nhiều Chứng Tộc</b>				
<b>Người có Hoàn Cảnh Kinh Tế Xã Hội Khó Khăn</b>	212	207	97,6	54,1
<b>Người Học Tiếng Anh</b>	61	59	96,7	22,0
<b>Học Sinh Khuyết Tật</b>	36	35	97,2	34,3
<b>Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành cho Di Dân</b>				
<b>Thanh Thiếu Niên được Chăm Sóc Giám Hộ</b>				

Ghi chú: Kết quả kỳ thi khoa học bao gồm CST, CMA, và CAPA ở các lớp năm, tám, và mười. “Phần Trăm Khá hoặc Giỏi” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh có điểm số ở mức Khá hoặc Giỏi trong thăm định khoa học chia cho tổng số học sinh có điểm số hợp lệ.

Ghi chú: Không cho thấy điểm số khi số học sinh đi thi là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh..

## Chương Trình Giáo Dục Kỹ Thuật Nghề Nghiệp (Năm Học 2015–16)

### Tham Gia Giáo Dục Kỹ Thuật Nghề Nghiệp (Năm Học 2015–16)

Tiêu Chuẩn Đo Lường	Tham Gia Chương Trình CTE
Số Học Sinh Tham Gia CTE	
Phần Trăm Học Sinh Hoàn Tất một Chương Trình CTE và Có Bằng Tốt Nghiệp Trung Học	
Phần Trăm Khóa Học CTE Được Sắp Xếp Theo Trình Tự hoặc Chuyển Tiếp Giữa Trường Học và Các Cơ Sở Giáo Dục Sau Trung Học Cơ Sở	

### Các Khóa Học Chuẩn Bị để Vào Trường Đại Học California (UC) và/hoặc Trường Đại Học Tiểu Bang California (CSU)

Tiêu Chuẩn Đo Lường Khóa Học UC/CSU	Phần Trăm
Các Học Sinh Năm Học 2015–16 Ghi Danh vào Các Khóa Học Bắt Buộc để Vào UC/CSU	0
Các Học Sinh Tốt Nghiệp Năm Học 2014–15 Đã Hoàn Thành Tất Cả Các Khóa Học Bắt Buộc để Vào UC/CSU	

### Ưu Tiên của Tiểu Bang: Kết Quả Học Tập Khác của Học Sinh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Kết Quả Học Tập Khác của Học Sinh (Ưu Tiên 8):

- Kết quả học tập của học sinh trong lĩnh vực môn học giáo dục thể chất

### Kết Quả Kiểm Tra Sức Khỏe Thân Thể California (Năm Học 2015–16)

Cấp Lớp	Phần Trăm Học Sinh Đáp Ứng Bốn trên Sáu	Phần Trăm Học Sinh Đáp Ứng Năm trên Sáu	Phần Trăm Học Sinh Đáp Ứng Sáu trên Sáu
	Tiêu Chuẩn Sức Khỏe	Tiêu Chuẩn Sức Khỏe	Tiêu Chuẩn Sức Khỏe
7	17,5	20,9	33,3

Ghi chú: Tỷ lệ phần trăm không được tính khi số học sinh đi thi là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

## C. Tham Gia

### Ưu Tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh (Ưu Tiên 3):

- Các nỗ lực của khu học chánh nhằm tìm kiếm ý kiến đóng góp từ phía phụ huynh trong việc đưa ra quyết định cho khu học chánh và mỗi địa điểm trường

### Cơ Hội Tham Gia cho Phụ Huynh (Năm Học 2016–17)

Trường Trung Học Sheppard rất vui mừng khi được đón nhận sự tham gia nhiệt tình của các bậc phụ huynh và chúng tôi chắc chắn luôn có cơ hội dành cho quý vị! Ngoài các cuộc gặp Cà Phê Cùng Phụ Huynh (Parent Coffees), Hội Đồng Khu Trường Học (School Site Council) và ELAC, chúng tôi cũng rất hào hứng khi được tạo nên một Trường Trung Học thú vị nhất và cộng tác nhất cho tất cả mọi người. Từ các nỗ lực dọn dẹp vườn và khuôn viên của cộng đồng đến việc kinh doanh đồ ăn tại các sự kiện cộng đồng vào buổi tối, như đêm xem phim, hội chợ sức khỏe, đêm văn chương và toán học, chúng tôi cùng nhau đoàn kết để mang đến những điều tuyệt vời. Mọi sự tham gia đều được ghi nhận và các mục tiêu của trường học luôn hướng tới tỷ lệ tham gia cao. Hàng năm, chúng tôi đều ghi nhận tất cả các phụ huynh đã tình nguyện tham gia và luôn mong muốn củng cố năng lực lãnh đạo của họ. Hàng tháng, chúng tôi tiếp đón cộng đồng đến với Ngày Hội Mở (Open Door Days) để tham quan trường học khi ghé qua và mỗi tuần, một nhóm phụ huynh sẽ tập trung lại để xúc tiến công việc của chúng tôi.

Những phụ huynh muốn tham gia vào công việc của chúng tôi tại Trường Trung Học Sheppard xin đừng ngần ngại liên hệ với văn phòng chính theo số 408-928-8800.

### Ưu Tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Học Sinh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Học Sinh (Ưu Tiên 5):

- Tỷ lệ bỏ học trung học; và
- Tỷ lệ tốt nghiệp trung học

### Tỷ Lệ Bỏ Học và Tỷ Lệ Tốt Nghiệp (Tỷ Lệ Đoàn Hệ Bốn Năm)

Chỉ Báo	Trường			Khu Học Chánh			Tiểu bang		
	2012-13	2013-14	2014-15	2012-13	2013-14	2014-15	2012-13	2013-14	2014-15
Tỷ Lệ Bỏ Học							11,40	11,50	10,70
Tỷ Lệ Tốt Nghiệp							80,44	80,95	82,27



Hoàn Thành Các Yêu Cầu Tốt Nghiệp Trung Học – Khóa Tốt Nghiệp năm 2015 (Tỷ Lệ Một Năm)

Nhóm Học Sinh			
	Trường	Khu Học Chánh	Tiểu bang
Tất Cả Các Học Sinh			
Người Da Đen hoặc Người Hoa Kỳ Gốc Phi			
Người Hoa Kỳ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa			
Người Gốc Á Châu			
Người Phi Luật Tân			
Người Gốc Tây Ban Nha hoặc La-tinh			
Người Hạ Uy Di Bản Địa hoặc Người Các Đảo Thái Bình Dương			
Người Da Trắng			
Người mang Hai hoặc Nhiều Chứng Tộc			
Người có Hoàn Cảnh Kinh Tế Xã Hội Khó Khăn			
Người Học Tiếng Anh			
Học Sinh Khuyết Tật			
Thanh Thiếu Niên được Chăm Sóc Giám Hộ			

**Ưu Tiên của Tiểu Bang: Không Khí Nhà Trường**

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Không Khí Nhà Trường (Ưu Tiên 6):

- Tỷ lệ học sinh bị đình chỉ;
- Tỷ lệ học sinh bị đuổi học; và
- Các tiêu chuẩn đo lường khác của địa phương về cảm giác an toàn

**Đình Chỉ và Đuổi Học**

Tỷ Lệ	Trường			Khu Học Chánh			Tiểu bang		
	2013-14	2014-15	2015-16	2013-14	2014-15	2015-16	2013-14	2014-15	2015-16
Đình Chỉ	5,1	7,2	5,3	2,3	3,2	3,1	4,4	3,8	3,7
Đuổi Học	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,1	0,1	0,1

## Kế Hoạch An Toàn Trường Học (Năm Học 2016–17)

Trường Trung Học Sheppard có một kế hoạch an toàn trường học vô cùng chi tiết và toàn diện, trong đó nêu rõ các thủ tục, hệ thống và quy trình cần thực hiện trong mọi trường hợp khẩn cấp. Kế hoạch cũng bao gồm các mục tiêu về an toàn hàng năm do học sinh, đội ngũ nhân viên và phụ huynh đề ra. Kế Hoạch An Toàn Trường Học và các quy trình luyện tập được đánh giá trong năm với toàn bộ đội ngũ nhân viên. Các cảnh báo an toàn được chia sẻ với tất cả nhân viên khi cần thiết trong suốt năm học.

Ủy Ban An Toàn Học Đường Sheppard sẽ cập nhật kế hoạch trước khi trình lên Hội Đồng Ủy Thác của Học Khu Tiểu Học Alum Rock Union để xin phê chuẩn hàng năm. Kế hoạch sửa đổi đã được phê chuẩn gần nhất vào Tháng 2 năm 2014. Kế Hoạch An Toàn Trường Học bao gồm một chính sách hành vi toàn diện, có thể thực thi và liên tục, một bộ quy tắc và điều lệ, chính sách về trang phục, bộ thủ tục về luyện tập an toàn/cứu hộ, chính sách đi học muộn, chính sách chuyên cần, chính sách giới thiệu, chính sách không phân biệt đối với quyền và trách nhiệm của học sinh, chính sách an ninh trong khuôn viên, chính sách quấy rối, chính sách quản lý xung đột, chính sách an toàn trên Internet và chính sách can thiệp.

Kế Hoạch An Toàn được sửa đổi và phê chuẩn hàng năm. Ngoài ra, trường học cũng thực hiện giám sát trước và sau giờ học cũng như quản chế trong giờ ăn nửa buổi và giờ ăn trưa. Một nhân viên cảnh sát nhà trường sẽ có mặt tại khuôn viên từ Thứ Hai đến Thứ Sáu. Mọi khách đến thăm phải báo cáo với văn phòng chính khi đến nơi để đảm bảo an toàn cho khuôn viên của chúng tôi.

## D. Thông Tin Khác của SARC

Thông tin trong mục này phải có trong SARC nhưng không được bao gồm trong các ưu tiên của tiểu bang đối với LCFF.

### Chương Trình Can Thiệp của Liên Bang (Năm Học 2016–17)

Chỉ Báo	Trường	Khu Học Chánh
Tình Trạng Cải Tiến Chương Trình		In PI
Năm Đầu Tiên Cải Tiến Chương Trình		2004-2005
Năm Tham Gia Cải Tiến Chương Trình		Năm 3
Số Trường Hiện Đang Tham Gia Cải Tiến Chương Trình	N/A	8
Phần Trăm Trường Hiện Đang Tham Gia Cải Tiến Chương Trình	N/A	38,1

Ghi chú: Các ô có giá trị NA không yêu cầu dữ liệu.

**Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh (Tiểu Học)**

Lớp Cấp	2013-14				2014-15				2015-16			
	Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp	Số Lớp*			Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp	Số Lớp*			Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp	Số Lớp*		
		1-20	21-32	33+		1-20	21-32	33+		1-20	21-32	33+
6	29	3	40	4	25	14	52	6	19			

\* Số lớp cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp).

**Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh (Trung Học Cơ Sở)**

Môn học	2013-14				2014-15				2015-16			
	Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp	Số Lớp*			Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp	Số Lớp*			Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp	Số Lớp*		
		1-22	23-32	33+		1-22	23-32	33+		1-22	23-32	33+
Tiếng Anh	24	12	13	11	21	14	8	9				
Toán	23	7	8	5	22	9	4	8				
Khoa học	27	3	9	5	26	5	3	10				
Khoa Học Xã Hội	27	4	7	6	27	4	4	9				

\* Số lớp cho biết có bao nhiêu lớp học trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp học). Ở cấp trung học cơ sở, thông tin này được báo cáo theo lĩnh vực môn học thay vì theo cấp lớp.

**Cố Vấn Học Tập và Nhân Viên Hỗ Trợ Khác (Năm Học 2015–16)**

Chức Danh	Số FTE* Được Phân cho Trường	Số Học Sinh Trung Bình trên mỗi Cố Vấn Học Tập
Cố Vấn Học Tập	1	
Cố Vấn (Phát Triển Giao Tiếp/Hành Vi hoặc Nghề Nghiệp)	1	N/A
Giáo Viên Truyền Thông Thư Viện (thủ thư)		N/A
Nhân Viên Dịch Vụ Truyền Thông Thư Viện (bán chuyên)	0,5	N/A
Nhà Tâm Lý Học	1	N/A
Nhân Viên Xã Hội		N/A

Chức Danh	Số FTE* Được Phân cho Trường	Số Học Sinh Trung Bình trên mỗi Cổ Vấn Học Tập
Y Tá	0,5	N/A
Chuyên Gia về Phát Âm/Ngôn Ngữ/Thính Giác	0,3	N/A
Chuyên Gia Nguồn Lực (không giảng dạy)	1	N/A
Các Chức Danh Khác		N/A

Ghi chú: Các ô ghi N/A không yêu cầu dữ liệu.

\* Một đơn vị Tương Đương Toàn Thời Gian (FTE) bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian;

#### Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh và Lương của Giáo Viên tại Địa Điểm Trường (Năm Học 2014–15)

Cấp	Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh			Lương Trung Bình của Giáo Viên
	Tổng	Phụ Trội/ Giới Hạn	Cơ Bản/ Không Giới Hạn	
Địa Điểm Trường	\$8.275	\$2.211	\$6.065	\$72.851
Khu Học Chánh	N/A	N/A	\$6.466	\$74.018
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm – Địa Điểm Trường và Khu Học Chánh	N/A	N/A	-6,2	-1,6
Tiểu bang	N/A	N/A	\$5.677	\$75.137
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm – Địa Điểm Trường và Tiểu Bang	N/A	N/A	6,8	-3,0

Note: Cells with N/A values do not require data.

#### Các Loại Dịch Vụ được Tài Trợ (Năm Học 2015–16)

Trường Trung Học Sheppard cung cấp các dịch vụ được tài trợ sau để hỗ trợ thành công cho tất cả học sinh. Các trường hợp ưu tiên bao gồm chuyển cấp dễ dàng từ tiểu học sang trung học, thành công trong học tập giúp tạo vị thế cho tất cả học sinh sẵn sàng vào phổ thông, phát triển trẻ em toàn diện bao gồm cả hỗ trợ sức khỏe tâm thần và trải nghiệm cuộc sống thực tế được liên kết trực tiếp với hoạt động học tập và ước mơ của học sinh để đáp ứng các tiêu chuẩn về học tập:

- Citizen Schools. Học Tập Mở Rộng (Extended Learning) là một chương trình giảng dạy chủ yếu hỗ trợ học sinh lớp sáu.

- Các lớp học can thiệp được lên lịch cho học sinh có nguy cơ và các trung tâm bài tập về nhà sẽ hỗ trợ học sinh đạt được thành công
- Việc học tập của học sinh được hỗ trợ thông qua hoạt động phát triển chuyên môn của đội ngũ nhân viên, phân tích dữ liệu đánh giá, tích hợp công nghệ và trải nghiệm học tập ngoại khóa trong đó có các chuyến tham quan học tập đến những trọng điểm cụ thể của Học Viện.

#### Lương Giáo Viên và Nhân Viên Hành Chính (Năm Học 2014–15)

Hạng Mục	Số Tiền của Khu Học Chánh	Mức Trung Bình của Tiểu Bang Dành Cho các Khu Học Chánh Trong Cùng Hạng Mục
Lương Khởi Điểm của Giáo Viên	\$48.684	\$44.573
Mức Lương Trung Bình của Giáo Viên	\$75.792	\$72.868
Mức Lương Cao Nhất của Giáo Viên	\$88.464	\$92.972
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Tiểu Học)	\$106.896	\$116.229
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Trung Học Cơ Sở)	\$112.241	\$119.596
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Trung Học)		\$121.883
Mức Lương của Giám Đốc Khu Học Chánh	\$185.000	\$201.784
Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương Giáo Viên	41%	39%
Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương Nhân Viên Hành Chính	6%	5%

Để có thông tin chi tiết về mức lương, xem trang Web về Lương Bổng & Quyền Lợi Được Xác Nhận của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/>.

#### Các Khóa Học Nâng Cao (AP) (Năm Học 2015–16)

Môn học	Số Các Khóa Học AP được Cung Cấp*	Phần Trăm Học Sinh Tham Gia các Khóa Học AP
---------	-----------------------------------	---

Môn học	Số Các Khóa Học AP được Cung Cấp*	Phần Trăm Học Sinh Tham Gia các Khóa Học AP
Khoa Học Máy Tính		N/A
Tiếng Anh		N/A
Mỹ Thuật và Nghệ Thuật Trình Diễn		N/A
Ngoại Ngữ		N/A
Khoa học		N/A
Khoa Học Xã Hội		N/A
Tất Cả Các Khóa Học		

Ghi chú: Các ô ghi N/A không yêu cầu dữ liệu.

\* Trường hợp có tối thiểu một học sinh đăng ký khóa học.

## Phát Triển Chuyên Môn

Mục tiêu Phát Triển Nhân Viên do Nhóm Lãnh Đạo xây dựng cùng với sự tham gia đóng góp ý kiến của tất cả nhân viên. Các mục tiêu này bắt đầu từ việc phân tích dữ liệu thành tích của học sinh và một kế hoạch toàn diện để tăng thành tích của học sinh. Cả chuyên gia bên ngoài và nguồn lực nội bộ đều được sử dụng để đào tạo giáo viên ở các lĩnh vực mục tiêu. Các lĩnh vực mục tiêu cho năm học 2015/2016 gồm có: Thực hiện chương trình học tập có nhiều thử thách của Thế Kỷ 21 cho cả Học Viện AVID và Atlas, Chiến Lược Giảng Dạy Hiệu Quả cho Học Viên Anh Ngữ, Sự Tham Gia của Phụ Huynh, và Thành Công của Học Sinh cùng sự tiến bộ liên tục. Nhóm Lãnh Đạo Giảng Dạy của chúng tôi có trách nhiệm xúc tiến công việc trên mọi lĩnh vực. Chúng tôi thực hiện việc này thông qua Chu Kỳ Đặt Câu Hỏi Hướng Tới Kết Quả của mình. Thông qua việc đặt mục tiêu và phân tích dữ liệu, chúng tôi sẽ định kỳ cập nhật Lý Thuyết Hành Động của mình cũng như vạch ra tiến trình và công việc cần thực hiện. Tài liệu này có tại văn phòng tiếp đón của chúng tôi.